

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày 27-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Ngữ

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2019/TLST-HS ngày 06/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HS ngày 13/8/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình B, sinh năm 1969; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình L (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; Vợ: Phạm Thị Lệ Q, sinh năm 1971 (đã ly hôn); Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 4 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Đến năm 1993, lập gia đình và làm ruộng tại ấp H, xã X (B – Bến Tre) cho đến ngày phạm tội; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/6/2019. (có mặt).

- Bị hại: Trần Nhật K, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Phạm Văn H, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

2. Nguyễn Thị V, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

3. Nguyễn Thị G, sinh năm 1947.

Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 19/4/2017, Nguyễn Đình B đang ăn cơm ở căn nhà sau tại ấp H, xã X (B, Bến Tre) thì nghe Trần Nhật K đi đến chửi và đe dọa giết B, nên B lấy 02 con dao chét để lên bàn ăn cơm phòng thủ. Khi K đi đến cửa sau định vào nhà thì B lên tiếng ngăn cản không cho K vào, nhưng K vẫn xông vào nhà và móc con dao trong người ra đâm B một nhát, B lùi lại né tránh được liền chụp 02 con dao để trên bàn chém một lượt 02 con dao trúng vào vùng cổ của Trần Nhật K gây thương tích. Sau đó, K bỏ đi đến nhà anh Phạm Văn H ở gần nhà Nguyễn Đình B thì bị ngắt xiu và được mọi người đưa đi cấp cứu điều trị.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Do Nguyễn Đình B giao nộp:

+ 01 con dao của Nguyễn Đình B có chiều dài 55cm; lưỡi bằng kim loại có mũi bằng dài 34cm, nơi rộng nhất 6,5cm, nơi nhỏ nhất 02cm; cán bằng gỗ tròn dài 21cm, đường kính 03cm; giữa lưỡi và cán có 01 khoen tròn bằng kim loại.

+ 01 con dao của Nguyễn Đình B có chiều dài 49cm; lưỡi bằng kim loại có mũi bằng, dài 29cm, nơi rộng nhất 06cm, nơi nhỏ nhất 02cm; cán bằng gỗ tròn dài 20cm, đường kính 03cm; giữa lưỡi và cán có 01 khoen tròn bằng kim loại.

+ 01 con dao của Trần Nhật K có chiều dài 20cm, lưỡi bằng kim loại dài 09 cm có mũi nhọn, phần cán dài 11cm.

- Thu khi khám nghiệm hiện trường: 01 áo sơ mi dài tay bằng vải, 01 chiếc dép nhựa màu đen của Trần Nhật K.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích lần II số 184/18/TgT ngày 12/9/2018, Viện Pháp y Quốc gia - Bộ Y tế kết luận: 04 sẹo phần mềm kích thước lớn vùng cổ bên trái, bên phải, trên xương đòn, cánh tay trái ảnh hưởng đến thẩm mỹ: 13%; liệt tay trái do di chứng tổn thương các rễ thần kinh C5, C6, C7: 51%; gãy rời xương sườn số I trái: 5%; gãy xương đòn trái can xấu, ảnh hưởng đến thẩm mỹ, chức năng: 18%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 67%. Vết thương vùng cổ phải và trái, gãy xương đòn, gãy xương sườn số I bên trái do vật sắc tác động trực tiếp gây ra. Thương tích liệt tay trái do vết thương trên cổ trái gây tổn thương các rễ thần kinh C5, C6, C7 gây ra.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 02/8/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri truy tố bị cáo Nguyễn Đình B về tội “Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo khoản 1 Điều 106 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với Nguyễn Đình B về tội “Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” đồng thời đề nghị HĐXX:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 106; Điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt Nguyễn Đình B từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, các Điều 584, 585, 586, 590 và 594 Bộ luật Dân sự, đề nghị HĐXX buộc bị cáo bồi thường cho bị hại:

- + Chi phí điều trị là 34.722.000 đồng.

- + Chấp nhận 06 tháng tiền công lao động kể từ ngày xảy ra vụ án x 150.000 đồng/ngày = 27.000.000 đồng, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu 700 ngày công do bị hại có một phần lỗi.

- + Không chấp nhận tiền bồi thường tổn thất tinh thần do bị hại có một phần lỗi.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy:

- + 01 con dao của Nguyễn Đình B có chiều dài 55cm; lưỡi bằng kim loại có mũi bằng dài 34cm, nơi rộng nhất 6,5cm, nơi nhỏ nhất 02cm; cán bằng gỗ tròn dài 21cm, đường kính 03cm; giữa lưỡi và cán có 01 khoen tròn bằng kim loại.

+ 01 con dao của Nguyễn Đình B có chiều dài 49cm; lưỡi bằng kim loại có mũi bằng, dài 29cm, nơi rộng nhất 06cm, nơi nhỏ nhất 02cm; cán bằng gỗ tròn dài 20cm, đường kính 03cm; giữa lưỡi và cán có 01 khoen tròn bằng kim loại.

+ 01 con dao của Trần Nhật K có chiều dài 20cm, lưỡi bằng kim loại dài 09cm có mũi nhọn, phần cán dài 11cm.

+ 01 áo sơ mi dài tay bằng vải, 01 chiếc dép nhựa màu đen của Trần Nhật K

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình B đã khai nhận toàn bộ hành vi dùng dao chém gây thương tích cho anh Trần Nhật K như đã nêu trên. Toàn bộ hành vi gây thương tích cho bị hại theo lời khai báo của bị cáo là phù hợp với thương tích gây ra cho bị hại, vật chứng thu giữ được và phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Tại phiên tòa, bị cáo xin HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị hại Trần Nhật K cho rằng thương tích của K do bị cáo gây ra, K không thừa nhận có hành vi đe dọa và dùng dao tấn công bị cáo trước khi bị cáo chém gây thương tích K. Về trách nhiệm hình sự, K yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, anh K yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản sau: Chi phí điều trị: 34.722.000 đồng; Tiền thu nhập bị mất trong thời gian 700 ngày x 150.000 đồng = 105.000.000 đồng; Tiền bồi thường tổn thất tinh thần: 50.000.000 đồng. Tổng số tiền K yêu cầu bị cáo bồi thường là 189.722.000 đồng.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị G trình bày: Trong quá trình điều trị thương tích cho Trần Nhật K, bị cáo có đưa tiền và nhờ bà V đến gặp bà G để bồi thường một phần chi phí điều trị cho bị hại, nhưng bà G không nhận và để tính toán lại số tiền sau khi điều trị xong cho bị hại K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa người làm chứng Phạm Văn H vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, ông H đã có lời khai thể hiện rõ trong quá trình điều tra vụ án. Tại tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của ông H. Xét thấy việc vắng mặt người làm chứng không ảnh

hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Đình B về hành vi gây thương tích cho bị hại Trần Nhật K tại phiên tòa là phù hợp với thương tích của bị hại cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Tuy bị hại không thừa nhận có hành vi đe dọa và tấn công bị cáo trong nhà bị cáo, nhưng với hung khí là con dao bị hại mang theo khi vào nhà bị cáo lúc trời tối bằng lối cửa sau, cửa nhà trước đóng, cùng với các tài liệu chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập đã đủ cơ sở xác định: Do bị Trần Nhật K có hành vi đe dọa và dùng dao tấn công nên Nguyễn Đình B đã có hành vi dùng dao chống trả lại K và gây thương tích cho K với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 67%. Tuy nhiên, khi chỉ mới nghe K đe dọa, bị cáo đã có hành vi chuẩn bị trước hung khí và trong khi K dùng 01 con dao loại nhỏ tấn công bị cáo, bị cáo đã tránh né được nên hành vi tấn công của K đã không còn đe dọa hoặc gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của bị cáo nhưng bị cáo đã dùng 02 con dao lớn chống trả và gây thương tích cho K. Việc chống trả này của bị cáo đã vượt quá mức cần thiết để thực hiện quyền phòng vệ chính đáng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình B về tội “Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” được quy định tại khoản 1 Điều 106 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc gây thương tích cho người khác là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả xảy ra đúng như bị cáo mong muốn. Trong vụ án này, mặc dù bị hại có lỗi khi đã đến

nhà đe dọa và dùng hung khí là dao nhỏ tấn công bị cáo, tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, thay vì sử dụng biện pháp chống đỡ phù hợp hoặc tìm cách thoát thân, bị cáo đã có tâm lý chuẩn bị hung khí và đã dùng 02 con dao cỡ lớn hơn gây thương tích cho bị hại. Chính từ ý thức và việc làm sai trái trên đã gây ra những đau đớn về thể xác cho bị hại, gây tổn kém về tiền bạc cho việc điều trị, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và cần xử lý bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa những trường hợp tương tự có thể xảy ra.

[5] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Sau khi gây thương tích cho bị hại, bị cáo đã có thành ý nhờ gia đình đến gặp gia đình bị hại để bồi thường trước một khoản tiền và quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp trước số tiền 3.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại. Mặc khác, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngoài ra, trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi nên HĐXX xem xét áp dụng cho bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ này theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên sẽ được HĐXX cân nhắc khi lượng hình cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét khoản tiền 189.722.000 đồng mà bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường, HĐXX thấy rằng:

- Tiền chi phí điều trị theo hóa đơn tổng số tiền 34.722.000 đồng mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị và bị hại yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

- Đối với tiền thu nhập bị mất trong thời gian điều trị, bị hại yêu cầu 105.000.000 đồng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị 27.000.000 đồng. HĐXX thấy rằng: Từ ngày xảy ra vụ việc là ngày 19/4/2017, bị hại nhập viện điều trị đến ngày điều trị tại bệnh viện và tái khám lần cuối cùng theo hóa đơn là ngày 26/7/2017. Vì vậy, HĐXX chỉ chấp nhận tiền thu nhập bị mất trong thời gian điều trị của khoảng thời gian từ ngày 19/4/2017 đến ngày 26/7/2017 là 97 ngày x 150.000 đồng/ngày = 14.550.000 đồng.

- Đối với số tiền bồi thường tổn thất tinh thần mà bị hại yêu cầu, HĐXX thấy rằng sự việc xảy ra cũng xuất phát từ lỗi của bị hại nên đề nghị của đại diện

Viện kiểm sát là có cơ sở. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của bị hại.

Tổng số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 49.272.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường thiệt hại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền còn lại là 46.272.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 con dao mà bị cáo dùng gây thương tích cho bị hại, đây là hung khí liên quan trực tiếp đến vụ án nên sẽ bị tịch thu tiêu hủy

Đối với 01 con dao có chiều dài 20cm, lưỡi bằng kim loại dài 09cm có mũi nhọn, phần cán dài 11cm và 01 áo sơ mi dài tay bằng vải, 01 chiếc dép nhựa màu đen của Trần Nhật K, do bị hại không có yêu cầu nhận lại và có yêu cầu tiêu hủy nên số vật chứng này sẽ bị tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình B phạm tội “Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 106; Điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình B 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 27/8/2019.

Giao bị cáo Nguyễn Đình B về cho UBND xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điều 584, 585, 586, 590, 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Buộc bị cáo bồi thường cho Trần Nhật K số tiền còn lại là 46.272.000 (Bốn mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri giao trả cho bị hại Trần Nhật K số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0005368 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

- 01 con dao của Nguyễn Đình B có chiều dài 55cm; lưỡi bằng kim loại có mũi bằng dài 34cm, nơi rộng nhất 6,5cm, nơi nhỏ nhất 02cm; cán bằng gỗ tròn dài 21cm, đường kính 03cm; giữa lưỡi và cán có 01 khoen tròn bằng kim loại.

- 01 con dao của Nguyễn Đình B có chiều dài 49cm; lưỡi bằng kim loại có mũi bằng, dài 29cm, nơi rộng nhất 06cm, nơi nhỏ nhất 02cm; cán bằng gỗ tròn dài 20cm, đường kính 03cm; giữa lưỡi và cán có 01 khoen tròn bằng kim loại.

- 01 con dao của Trần Nhật K có chiều dài 20cm, lưỡi bằng kim loại dài 09cm có mũi nhọn, phần cán dài 11cm.

- 01 áo sơ mi dài tay bằng vải, 01 chiếc dép nhựa màu đen của Trần Nhật K

(Theo phiếu nhập kho số NTKV29 ngày 06/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri)

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Buộc bị cáo Nguyễn Đình B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 2.313.600 (Hai triệu ba trăm mười ba nghìn sáu trăm) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã X (B – Bến Tre);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng